THE FOREIGN POLICY OF THE PARK CHUNG HEE ADMINISTRATION (1963-1979)

Nguyen Thi Huyen Trang
TNU – University of Sciences

ARTICLE INFO

Received: 03/7/2023
Revised: 31/7/2023
Published: 31/7/2023

KEYWORDS

Park Chung Hee
South Korea
Foreign Policy
Diplomacy
Politics

ABSTRACT

During four presidential terms, Park Chung Hee ruled the Republic of Korea, leading the country through a period of rapid economic development and transforming South Korean society. A significant contribution to this success was the Park administration's shift in foreign policy to meet new changing world situations and domestic conditions. What were the goals and tasks of South Korea's foreign policy during this period? And how were these policies implemented by the Park Chung Hee administration in both multilateral and bilateral contexts? To clarify the research problem, the author used document analysis, international relations research, policy research methods, combined with historical research, data collection, synthesis and logic research methods. The results of the research project show that there were four main central goals of South Korea's national foreign strategy, with the most important being ensuring national security and promoting the country's economic development. South Korea gradually constructed a flexible foreign policy focused on establishing and strengthening relationships with allied nations, countering communism, and working towards the goal of national reunification in both bilateral and multilateral aspects.

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CHÍNH QUYỀN PARK CHUNG HEE (1963 – 1979)

Nguyễn Thị Huyền Trang
Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 03/7/2023
Ngày hoàn thiện: 31/7/2023
Ngày đăng: 31/7/2023

TỪ KHÓA

Park Chung Hee
Hàn Quốc
Chính sách đối ngoại
Ngoại giao
Chính trị

TÓM TẮT

Trải qua bốn nhiệm kỳ tổng thống, Park Chung Hee đã lãnh đạo Hàn Quốc đạt được sự phát triển nhanh chóng về kinh tế và xã hội. Đóng góp không nhỏ vào thành công này là những thay đổi chiến lược đối ngoại kịp thời của chính quyền Park để đáp ứng với xu thế mới của quốc tế và điều kiện trong nước. Các mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại giai đoạn này là gì? Và thực tiễn triển khai các chính sách đó của chính quyền Tổng thống Park Chung Hee trên bình diện đa phương và song phương đã diễn ra như thế nào? Để làm rõ vấn đề nghiên cứu, bài viết đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu quan hệ quốc tế, và nghiên cứu chính sách kết hợp với phương pháp nghiên cứu lịch sử, tổng hợp, phân tích, logic. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính quyền Park Chung Hee xác định bốn nhiệm vụ đối ngoại chính, trong đó quan trọng nhất là đảm bảo an ninh quốc gia và phát triển kinh tế đất nước. Trên cả bình diện song phương và đa phương, Hàn Quốc đã từng bước xây dựng chính sách đối ngoại linh hoạt, tập trung vào việc thiết lập và tăng cường quan hệ với các quốc gia đồng minh, chống cộng sản và hướng tới mục tiêu thống nhất đất nước.

DOI: https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8254

Email: trang.nth@tnus.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong bốn nhiệm kỳ lãnh đạo đất nước (từ tháng 12 năm 1963 đến tháng 10 năm 1979), Tổng thống Park Chung Hee được đánh giá là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn tại Hàn Quốc trong thế kỷ XX, với nhiều biện pháp, chính sách quan trọng thể hiện sự quyết đoán và tầm nhìn vượt bậc trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng cường quan hệ quốc tế của Hàn Quốc. Tuy nhiên, Park Chung Hee cũng bị chỉ trích vì việc áp đặt chế độ độc tài và vi phạm nhân quyền trong việc thực thi các chính sách của chính quyền Đệ tam Cộng hoà [1].

Ngay từ năm 1962, Tướng Park Chung Hee khi đó là người đứng đầu Hội đồng tối cao tái thiết quốc gia của Hàn Quốc (SCNR) đã phát biểu rằng: "Chúng ta không nên hài lòng với những thành tựu ngoại giao mà chúng ta đạt được cho đến thời điểm hiện tại", và Hàn Quốc phải xây dựng một chương trình đối ngoại tích cực hơn, ngoại giao kinh tế phải hỗ trợ phát triển kinh tế trong nước để thực hiện "Ngoại giao độc lập và tự định hướng" [2, tr.5]. Ông tin tưởng rằng "Ngoại giao độc lập và tự định hướng" là điều bắt buộc để thiết lập một mặt trận ngoại giao rộng lớn hơn. Với chủ trương đó, sau khi lên nắm quyền điều hành đất nước, Park Chung Hee đã thực thi một loạt các chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế. Chính sách đối ngoại mới của Hàn Quốc không chỉ thể hiện rõ tinh thần, tầm nhìn của Park Chung Hee – người đã mở ra cuộc cách mạng chính trị ở Hàn Quốc, mà còn phản ánh sự tìm kiếm vị thế mới của Hàn Quốc trong các vấn đề quốc tế, cũng như để giải quyết nhiều thách thức mà quốc gia này phải đối mặt.

Trên thế giới, đã có rất nhiều sách, báo, công trình nghiên cứu về Park Chung Hee và kỷ nguyên của ông. Cuốn sách [1] đề cập đến nhiều chủ đề đa dạng và đưa ra các quan điểm liên quan đến vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao, kết hợp với việc nghiên cứu đối chiếu với các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan. Những nghiên cứu đã cho thấy, Hàn Quốc đã chuyển mình từ một quốc gia nghèo bị tàn phá bởi chiến tranh với nền dân chủ mong manh thành một cường quốc kinh tế với chế độ độc tài phát triển [3] – [6]. Sự phát triển Hàn Quốc là một trong những kỳ tích trong thế kỷ XX, và điều kỳ diệu này xảy ra nhờ sự lãnh đạo của Tổng thống Park Chung Hee. Ngoài ra, có những nghiên cứu đi sâu phân tích chế độ độc tài phát triển của Park Chung Hee giai đoạn 1961 – 1979 [7]. Bên cạnh đó, còn có những công trình nghiên cứu tập trung phân tích các chính sách phát triển kinh tế của Hàn Quốc [8] hoặc nghiên cứu quan hệ giữa Hàn Quốc và các quốc gia, như về quan hệ kinh tế Hàn Quốc - Mỹ từ năm 1948 đến 1979 [9], quan hệ với Nhật Bản [10], cơ hội và thách thức đối thoại liên Triều [11]. Tuy nhiên, tại Việt Nam, có rất ít những công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của chính quyền Tổng thống Park Chung Hee (giai đoạn 1963 – 1979), do đó, bài viết sẽ tập trung nghiên cứu làm rõ những mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại của Hàn Quốc, tìm hiểu thực tiễn triển khai các chính sách đối ngoại của Hàn Quốc trên cả phương diện đa phương, khu vực và song phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp nghiên cứu tài liệu: được dùng để nghiên cứu các công trình, sách, báo, tài liệu tham khảo để tìm hiểu các kiến thức lý luận và thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế và phương pháp nghiên cứu chính sách nhằm làm rõ sự hình thành chính sách thông qua phân tích tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài cũng như phân tích mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, sự triển khai cũng như những tác động, hạn chế của chính sách đối ngoại của chính quyền Đệ tam Cộng hoà. Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng nhằm phân tích các nội dung thể hiện hoặc tiềm ẩn trong các tài liệu, văn bản ngoại giao và các phát biểu của chính quyền Park Chung Hee; cũng như các công trình có liên quan đến đề tài nghiên cứu. Phương pháp lịch sử và logic được sử dụng, đặt vấn đề nghiên cứu trong sự vận động theo tuần tự thời gian và logic lịch sử để làm rõ mục tiêu nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Bối cảnh tác động đến việc hình thành các chính sách đối ngoại của Hàn Quốc (1963 – 1979)

Tổng thống Park Chung Hee lên nắm quyền vào năm 1963 trong bối cảnh quốc tế, khu vực cũng như trong nước đầy biến đổi, thách thức.

Bối cảnh bên ngoài, trong những năm 1960 – 1970, Chiến tranh Lạnh vẫn diễn ra căng thẳng, Khu vực Đông Á trở thành một trong những mặt trận quan trọng trong cuộc chạy đua vũ trang và đối đầu giữa hai siêu cường. Sang đến đầu những năm 1970, những thay đổi lớn đã diễn ra liên tiếp trên thế giới, bao gồm những diễn biến mới trong quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc và Hoa Kỳ - Liên Xô, tình trạng bất ổn và cải cách hệ thống tiền tệ quốc tế, chiến tranh Trung Đông lần thứ tư và cuộc khủng hoảng dầu mỏ sau đó, gia tăng những khó khăn khác nhau trong nền kinh tế quốc tế, và những thay đổi mạnh mẽ của tình hình ở Đông Dương. Xu hướng hoà hoãn Đông Tây đã xuất hiện với các cuộc gặp gỡ thương lượng Liên Xô - Hoa Kỳ. Bên cạnh đó là những chuyển đổi của nền kinh tế thế giới. Quan hệ quốc tế đã trở nên phức tạp hơn bởi sự gia tăng tầm quan trọng tương đối của các vấn đề kinh tế quốc tế và bởi thực tế là các vấn đề kinh tế có xu hướng trở thành vấn đề chính trị với sự gia tăng phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Trong giai đoạn này, Hoa Kỳ cũng có những điều chỉnh chính sách quan trọng đối với châu Á. Đây là những nhân tố không thể bỏ qua với những tác động lớn đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại của Hàn Quốc. Chiến tranh Lạnh, xu hướng hình thành trật tự thế giới mới, những điều chỉnh chính sách của Hoa Kỳ, những chuyển đổi của nền kinh tế thế giới một mặt tạo ra những khó khăn, thách thức, bất ổn, nhưng mặt khác xu hướng hoà hoãn cho phép Hàn Quốc khai thác cơ hội để mở rộng quan hệ đối tác và phát triển kinh tế.

Bối cảnh trong nước, với xuất phát điểm là quốc gia kiệt quệ do chiến tranh, điều kiện tự nhiên gặp nhiều khó khăn, khí hậu cực đoan, đất đai khó canh tác, nên sự tồn tại và hoạt động của chính quyền Tổng thống Rhee Seung Man giai đoạn đầu sau khi bán đảo Triều Tiên bị chia cắt luôn phải dựa vào nguồn viện trợ của Hoa Kỳ. Do đó, đường lối đối ngoại của nền Cộng hoà thứ nhất và thứ hai của Hàn Quốc chủ yếu lệ thuộc vào Hoa Kỳ, không thiết lập quan hệ ngoại giao với bất kỳ quốc gia xã hội chủ nghĩa nào. Tổng thống Park Chung Hee lên nắm quyền trong hoàn cảnh đất nước vô cùng khó khăn. Về tổng thể, sau hơn mười năm tái thiết và xây dựng đất nước, Hàn Quốc vẫn là một quốc gia có nền nông nghiệp lạc hậu, không phát triển, phụ thuộc nặng nề vào viện trợ của Hoa Kỳ. Nền kinh tế đất nước đặc trưng bằng sự nghèo đói kéo dài do sự mất ổn định chính trị, lạm phát. Trong bối cảnh đó, đầu tư và viện trợ từ các quốc gia khác là điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự tồn tại của Hàn Quốc giai đoạn những năm 1960. Bối cảnh này đã buộc Park Chung Hee phải có những điều chỉnh chính sách đối ngoại và kinh tế của mình.

3.2. Mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại của Hàn Quốc

Ngoại giao của Hàn Quốc trong hai nền cộng hoà thứ nhất và thứ hai phần lớn chịu ảnh hưởng bởi các chính sách của Hoa Kỳ. Các hoạt động đối ngoại về cơ bản bị giới hạn trong khuôn khổ chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ, đặc biệt là chính sách ngoại giao đối với châu Á. Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, Chiến tranh Lạnh và đối đầu đông tây, xu thế hoà hoãn và đa cực xuất hiện trong quan hệ quốc tế, Hàn Quốc cần phải có thay đổi, tự thích nghi với xu hướng, trật tự thế giới mới.

Ngay từ năm 1962, sau cuộc đảo chính, Hội đồng tối cao tái thiết quốc gia của Hàn Quốc (SCNR) đã đưa ra "Chính sách đối ngoại tích cực" mới gồm bảy mục tiêu chính [2, tr.6]. Một là đạt được sự hiểu biết và ủng hộ của quốc tế đối với cuộc cách mạng; Hai là tăng cường quan hệ với thế giới tự do và mở rộng quan hệ đối ngoại; Ba là đẩy mạnh hợp tác với Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế khác; Bốn là tăng cường hợp tác kinh tế với nước ngoài; Năm là giải quyết các vấn đề tồn đọng giữa Hàn Quốc và Nhật Bản; Sáu là nâng cao địa vị của người Hàn Quốc ở nước ngoài; Bảy là đẩy mạnh ngoại giao văn hoá nhằm nâng cao hình ảnh, sự hiểu biết của thế giới về các thành tựu văn hoá, nghệ thuật của Hàn Quốc.

Đặc biệt trong quan hệ với Triều Tiên, dưới tác động của những diễn biến mới của tình hình quốc tế trong thập niên 1970 của thế kỷ XX và nỗ lực chung cả hai quốc gia, Hàn Quốc đã tuyên bố ngày 23-06-1973 với tiêu đề "Chính sách đối ngoại vì hoà bình và thống nhất". Theo đó, Hàn Quốc chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước không đối đầu với mình, bất chấp thể chế chính trị. Hàn Quốc đã bắt đầu mở rộng quan hệ với các nước thuộc thế giới thứ ba. Tuyên bố gồm bảy điểm chính [12, tr.51-55]: Hòa bình thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ quan trọng nhất của dân tộc. Chính phủ sẽ tiếp tục huy động mọi lực lượng để đạt được điều này; Hòa bình trên Bán đảo Triều Tiên phải được duy trì, hai miền Triều Tiên không được can thiệp và không gây hấn lẫn nhau; Hàn Quốc sẽ tiếp tục nỗ lực với sự chân thành và kiên nhẫn để đạt được kết quả cụ thể của đối thoại liên Triều dựa trên tinh thần của Tuyên bố chung liên Triều; Hàn Quốc không phản đối việc Triều Tiên tham gia vào các tổ chức quốc tế nếu điều đó giúp ích cho việc xoa dịu căng thẳng và hợp tác quốc tế; Hàn Quốc không phản đối việc gia nhập Liên Hợp Quốc (LHQ) cùng với Triều Tiên. Ngay cả trước khi gia nhập LHQ, Hàn Quốc cũng không phản đối việc được mời cùng phía Triều Tiên thảo luận về vấn đề Triều Tiên tại Đại hội đồng LHQ với sự tham dự của đại diện Hàn Quốc; Hàn Quốc sẽ mở cửa cho tất cả các nước theo nguyên tắc có đi có lại và bình đẳng, và kêu gọi các nước có hệ tư tưởng và hệ thống khác nhau mở cửa cho Hàn Quốc; Tái khẳng định rằng chính sách đối ngoại của Hàn Quốc dựa trên hòa bình, thiện chí và mối quan hệ hiện có với các đồng minh sẽ càng củng cố hơn nữa.

Xuyên suốt trong giai đoạn này, chính sách đối ngoại của Hàn Quốc có bốn nhiệm vụ chính sau: Nhiệm vụ đầu tiên là giữ vững an ninh quốc gia, chống lại sự xâm lược từ bên ngoài. Đây là mục tiêu quan trọng nhất, tuy nhiên cũng không phải là nhiệm vụ dễ dàng trước những thách thức lớn mà Hàn Quốc đang phải đối mặt, đó là những nguy cơ chiến tranh từ Triều Tiên, sự cắt giảm viện trợ từ phía Hoa Kỳ và những điều chỉnh chính sách của Hoa Kỳ tại khu vực châu Á. Nhiệm vụ thứ hai là tăng cường sức mạnh của quốc gia, phục hồi và phát triển kinh tế của Hàn Quốc sau cuộc chiến tranh Triều Tiên. Nhiệm vụ thứ ba là mở rộng thương mại và ảnh hưởng quốc tế của Hàn Quốc. Song song với việc tăng cường sức mạnh nội lực của quốc gia, việc tìm kiếm, mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các cường quốc lớn sẽ đem lại những lợi ích cả kinh tế và an ninh cho Hàn Quốc. Nhiệm vụ thứ tư là thống nhất đất nước bị chia cắt. Trong bối cảnh hiện tại, rõ ràng Hàn Quốc không thể đi đến sự thống nhất hai miền bằng biện pháp quân sự. Hàn Quốc đã đưa ra những nỗ lực và chính sách nhằm thúc đẩy sự đối thoại và hợp tác với Bắc Triều Tiên, nhằm tạo điều kiện cho việc giải quyết cuộc chia cắt lịch sử và thống nhất đất nước.

3.3. Thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của chính quyền Park Chung Hee

- *Trên bình diện đa phương*

Trên bình diện đa phương, Chính phủ Hàn Quốc đã có nhiều nỗ lực để tham gia trong các tổ chức quốc tế. Tại Liên Hợp Quốc (LHQ), mặc dù mong muốn gia nhập LHQ của Hàn Quốc chưa được phê duyệt, song Hàn Quốc đã thực hiện nhiều chính sách chủ động và thích ứng trong khuôn khổ tổ chức này. Khi các cuộc đàm phán Bắc – Nam đang diễn ra những năm 1971, 1972, Hàn Quốc với sự hỗ trợ của Washington và Tokyo đã vận động thành công để hoãn các cuộc thảo luận của LHQ về vấn đề Triều Tiên với lý do rằng cuộc thảo luận như vậy sẽ gây cản trở các cuộc đàm phán song phương. Năm 1972, Đại hội đồng LHQ đã bỏ phiếu thông qua lệnh hoãn một năm đối với vấn đề Triều Tiên [13, tr.124].

Sang năm 1973, ngay trước ngày kỉ niệm 23 năm chiến tranh Triều Tiên, Tổng thống Park đã công bố chính sách đối ngoại mới, trong tuyên bố ngày 23 tháng 6 năm 1973. Theo đó, Hàn Quốc không phản đối việc Triều Tiên tham gia vào các cuộc thảo luận tại Liên Hợp Quốc về vấn đề bán đảo Triều Tiên, hoặc việc đồng thời kết nạp cả hai miền của bán đảo Triều Tiên tham gia vào tổ chức này [13]. Mặc dù đề xuất sau đó bị Bắc Triều Tiên từ chối, nhưng sáng kiến của Park Chung Hee đã tránh được một thất bại ngoại giao có thể xảy ra trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc và tạo điều kiện thuận lợi cho Hàn Quốc thích nghi thực tế với bối cảnh quốc tế đang thay đổi.

Mặc dù không đạt được những mục tiêu đối ngoại như mong muốn trong khuôn khổ của LHQ khi bị từ chối xem xét đơn xin gia nhập tổ chức này, Hàn Quốc đã trở thành thành viên tích cực của nhiều tổ chức quốc tế quan trọng như Kế hoạch Colombo, Liên minh nghị viên, Tổ chức Lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESSCO).

Trên bình diện khu vực, những chính sách đối ngoại của Hàn Quốc được thể hiện qua những nỗ lực tìm kiếm sự hình thành một hệ thống nhóm khu vực. Trong bài phát biểu tại Câu lạc bộ Báo chí Quốc gia ở Washington D.C, vào ngày 18 tháng 5 năm 1965, Tổng thống Park nhấn mạnh sự cần thiết phải thành lập một hệ thống an ninh tập thể chống lại mối đe doạ của Cộng sản và nguy cơ xâm lược tiềm tàng ở khu vực châu Á. Ông tin tưởng rằng điều đó có thể đạt được thông qua sự thịnh vượng và hợp tác lẫn nhau giữa các quốc gia mới nổi, các quốc gia thuộc thế giới thứ ba.

Khái niệm nhóm khu vực mà Hàn Quốc theo đuổi là hệ thống sẽ bảo vệ các lợi ích khu vực, dân tộc và khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường của người châu Á [14, tr.12]. Hơn nữa, có quan điểm cho rằng hầu hết các cuộc xung đột trong tương lai ở châu Á sẽ là các xung đột cục bộ. Để kiềm chế những xung đột này, một khuôn khổ liên kết khu vực sẽ là công cụ hữu hiệu hơn so với sự can thiệp trực tiếp từ các cường quốc.

Để đạt được những mục tiêu này, đích thân Tổng thống Park Chung Hee đã đến thăm nhiều thủ đô trên thế giới và có cuộc hội đàm, trao đổi ý kiến với nhiều nhà lãnh đạo. Tại khu vực Đông Nam Á, Tổng thống Park cũng đã thực hiện chuyến thăm cấp nguyên thủ quốc gia tới Malaysia, Thái Lan và Việt Nam Cộng hoà. Hàn Quốc đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thành lập Hội đồng châu Á và Thái Bình Dương vào năm 1966 với 09 thành viên ở châu Á (bao gồm Úc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, New Zealand, Philippines, Việt Nam Cộng hoà và Thái Lan). Là một thành viên chủ chốt trong Hội đồng này, Hàn Quốc đã đóng góp nhiều vào việc thúc đẩy tăng cường hợp tác khu vực về các vấn đề chính trị, kinh tế và văn hoá. Như vậy, Hàn Quốc đã nỗ lực để hình thành mặt trận an ninh giữa các nước tư bản chủ nghĩa trong khu vực, đồng thời nhân cơ hội này tìm kiếm sự ủng hộ từ các quốc gia Đông Nam Á và cô lập Cộng hoà Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Triều Tiên về ngoại giao. Những nỗ lực đó, cùng với thành công trong việc đưa Hàn Quốc bước lên diễn đàn chính trị trên toàn thế giới, đã chứng minh vị thế ngày một tăng của Hàn Quốc trong cộng đồng quốc tế. Như nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra "đã đến lúc mọi người ở khắp nơi phải công nhận Hàn Quốc là một cường quốc hàng đầu ở Châu Á..." [12, tr.8].

- *Trên bình diện song phương*

Trong giai đoạn 1963 - 1979, Hàn Quốc tập trung chủ yếu vào mối quan hệ song phương với Hoa Kỳ, Nhật Bản, Triều Tiên và một số quốc gia ở khu vực Á – Phi. Chính sách đa dạng hóa quan hệ đối ngoại đã giúp Hàn Quốc đạt được nhiều cơ hội kinh doanh mới, đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia trong khu vực, mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài và mở cửa cho việc hợp tác kinh tế.

Đối với Hoa Kỳ:

Quan hệ Hàn - Mỹ (1963 - 1979) bước sang một thời kỳ mới, trong thời kỳ này, quan hệ kiểu chi phối, phụ thuộc bắt đầu giảm dần, thay vào đó là kiểu quan hệ cạnh tranh bình đẳng giữa hai đối tác.

Quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ vốn là mối quan hệ truyền thống và quan trọng đối với Hàn Quốc. Nền tảng này được củng cố bằng một loạt các thoả thuận và tuyên bố song phương, cũng như thông qua các cuộc đàm phán cấp cao, cuộc họp tư vấn an ninh hàng năm. Hiệp ước phòng thủ chung giữa Hoa Kỳ và Hàn Quốc, có hiệu lực vô thời hạn kí kết tháng 11 năm 1954 có nêu rõ: "Mỗi bên công nhận rằng một cuộc tấn công vũ trang ở khu vực Thái Bình Dương nhằm vào một trong hai bên tại các vùng lãnh thổ do họ kiểm soát hành chính hoặc được một trong các bên công nhận sẽ gây nguy hiểm cho hoà bình và tuyên bố rằng sẽ hành động để giải quyết mối nguy hiểm chung theo quy định của hiến pháp" [15].

Vào năm 1964, Tổng thống Park đã cử lực lượng quân đội Hàn Quốc đến tham chiến ở Việt Nam để hỗ trợ cho cuộc xâm lược của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Đổi lại, Hoa Kỳ cam kết sẽ tăng mức hỗ trợ cho Hàn Quốc trong giai đoạn này. Điều này một lần nữa khẳng định mối liên hệ bền

chặt giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ, đồng thời là thông điệp mà Hàn Quốc gửi tới các nước cộng sản đặc biệt là tới CHDCND Triều Tiên.

Về viện trợ, kể từ năm 1946, Hàn Quốc nhận được một số lượng đáng kể viện trợ của Hoa Kỳ về quân sự cũng như kinh tế (11,8 tỷ USD năm 1974 và 12,6 tỷ USD vào năm 1976), Hàn Quốc trở thành quốc gia nhận viện trợ của Mỹ nhiều thứ hai trên thế giới [4, tr.108].

Tuy nhiên, sau khi Tổng thống Mỹ Richard Nixon lên nắm quyền, 25 tháng 7 năm 1969, Mỹ đã công bố Học thuyết Nixon với một trong những mong đợi là các đồng minh châu Á của mình có trách nhiệm tự bảo đảm an ninh quân sự của họ. Cùng thời điểm đó, việc Park Chung Hee siết chặt chính sách chính trị độc tài, chính sách đối nội hạn chế, chính sách đàn áp và những vi phạm nhân quyền dưới chế độ Yushin, ông cũng phải đối mặt với những chỉ trích ngày càng tăng tại các phiên điều trần Quốc hội Hoa Kỳ.

Theo đó, viện trợ không hoàn lại gần như bị chấm dứt vào năm 1971. Cũng trong năm này, Hoa Kỳ quyết định giảm một phần ba quân số của mình ở Hàn Quốc (20.000 trên tổng số 64.000) và ngừng canh gác trên một số đoạn lãnh thổ [4]. Tháng 12 năm 1974, Quốc hội cũng phê duyệt quyết định giảm hỗ trợ quân sự Hoa Kỳ từ 165 triệu USD xuống còn 145 triệu USD cho đến khi Tổng thống Ford có thể báo cáo được chính phủ Hàn Quốc đang đạt được tiến bộ đáng kể trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn nhân quyền được quốc tế công nhận [4, tr. 111].

Có thể nói, trong quan hệ với Hoa Kỳ, Tổng thống Park Chung Hee đã từng bước thoát khỏi sự lệ thuộc vào Hoa Kỳ về mọi mặt. Sự tăng trưởng nhanh của nền kinh tế cùng những đóng góp về quân sự của Hàn Quốc cho Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam đã làm thay đổi quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ từ quan hệ lệ thuộc thành quan hệ đồng minh và hợp tác cùng phát triển. Tổng thống Park Chung Hee đã rất quan tâm đến việc duy trì và phát triển mối quan hệ hữu nghị, lâu dài với Hoa Kỳ.

Đối với Nhật Bản:

Quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản đã bị đóng băng trong một thời gian dài. Giai đoạn đầu sau khi giành độc lập, mặc dù hai nước đã có những động thái để thiết lập mối quan hệ nhưng kết quả thất bại. Trong khoảng thời gian 1951 - 1960, các nhà lãnh đạo của Seoul và Tokyo vẫn duy trì những ấn tượng không mấy tốt đẹp về nhau. Hai nước tiếp tục "thăm dò" lẫn nhau cho đến khi Tổng thống Park Chung Hee khai sinh nền Cộng hòa thứ ba.

Có thể nói, một trong những thành tựu ngoại giao quan trọng nhất của Hàn Quốc kể từ năm 1963 là việc ký kết Hiệp ước về quan hệ cơ bản giữa Hàn Quốc và Nhật Bản (gọi tắt là Hiệp ước Hàn-Nhật) vào năm 1965, một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử ngoại giao của Đệ tam Cộng hoà trong việc mở rộng quan hệ với các quốc gia trên thế giới. Cuộc đàm phán ngoại giao trường kỳ lịch sử đã đơm hoa kết trái bất chấp sự phản đối quyết liệt của nhiều thành phần khác nhau ở cả hai quốc gia. Với Hiệp ước này, hai quốc gia chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao sau 20 năm Hàn Quốc thoát khỏi khỏi ách thống trị của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản (1945).

Logic của Park Chung Hee rất đơn giản, kẻ thù của kẻ thù chính là đồng minh. Chính sách thực dụng của Park Chung Hee nhấn mạnh hơn vào lợi ích thiết thực của việc cải thiện quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản hơn là đối kháng quốc gia [16, tr.25]. Các nhà lãnh đạo Seoul nhận thức thực tế rằng việc kéo dài tranh chấp với Nhật Bản sẽ không mang lại lợi ích cho Hàn Quốc. Về phương diện quân sự, việc kết giao với nước láng giềng này còn giúp Hàn Quốc tạo dựng một vành đai an ninh đối trọng với liên minh Bắc Triều Tiên - Liên Xô - Trung Quốc. Song song với đó, việc Mỹ chủ động ký kết Hiệp ước an ninh chung (1953) đã gián tiếp buộc nước này vào "thế chân vạc" trong mối quan hệ Mỹ - Nhật – Hàn. Về lĩnh vực kinh tế, Chính phủ Park Chung Hee cũng đang rất cần nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài để phát triển công nghiệp trong nước. Theo đó, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Nhật Bản là điều cần thiết để Hàn Quốc có thể bổ sung nguồn vốn, học hỏi kinh nghiệm cho sự phát triển kinh tế trong nước. Chính quyền Park Chung Hee lập luận rằng, sự hợp tác với Nhật Bản không chỉ cần thiết cho các nỗ lực hiện đại hoá kinh tế mà còn có vai trò trong chính sách cô lập của họ đối với Triều Tiên [4, tr.115]. Những lợi ích thiết thực nói trên là nhân tố trọng yếu thôi thúc Park Chung Hee chuyển dịch trọng tâm đối ngoại từ CHDCND Triều Tiên sang Nhật Bản.

Với một đất nước phát triển muộn và nghèo nàn tài nguyên, vai trò "hậu thuẫn" của Nhật Bản là yếu tố quan trọng bên ngoài góp phần vào thành quả phát triển kinh tế của Hàn Quốc. Trong giai đoạn từ năm 1965 đến 1977, nước láng giềng này đã cung cấp cho Hàn Quốc đến 80% linh phụ kiện và nguyên vật liệu sản xuất công nghiệp. Tổng số vốn hợp tác giữa hai nền kinh tế lên đến 3,68 tỷ USD. Tính đến cuối năm 1974, Hàn Quốc đã nhận được từ Nhật Bản 262 triệu USD viện trợ không hoàn lại và 167 triệu USD tín dụng, các khoản vay thương mại tư nhân cũng đã vượt qua số tiền dự kiến ban đầu. Nhật Bản cũng thay thế Mỹ trở thành nhà đầu tư vốn và đối tác thương mại hàng đầu của Hàn Quốc. Tính đến tháng 1 năm 1975, Hàn Quốc đã phê duyệt gần 1000 dự án đầu tư vốn nước ngoài với tổng giá trị hơn 700 triệu USD kể từ năm 1962 (trong đó, Mỹ chiếm 27,6% và Nhật Bản chiếm 65,4%) [17].

Sự phát triển nhanh chóng vai trò kinh tế của Nhật Bản tại Hàn Quốc kéo theo sự hợp tác về ngoại giao và các triển vọng an ninh chung của hai nước. Trong tuyên bố ký với Tổng thống Nixon vào tháng 11 năm 1969, Thủ tướng Nhật Bản Sato đã khẳng định: An ninh và thịnh vượng của Hàn Quốc là thiết yếu đối với an ninh và ổn định của Viễn Đông và do đó là của cả Nhật Bản; Vì nền tảng an ninh quốc gia, Nhật Bản sẵn sàng hợp tác phát triển kinh tế với Hàn Quốc [18, tr. 369-376]. Điều này cũng được tái khẳng định trong tuyên bố tháng 8 năm 1975 của Thủ tướng Miki Takeo: an ninh của Đại Hàn Dân Quốc là thiết yếu để duy trì hoà bình trên bán đảo Triều Tiên, cần thiết cho hoà bình và an ninh khu vực Đông Á, bao gồm cả Nhật Bản [4, tr.117].

Tuy nhiên, Vụ bắt cóc Kim Tae Chung ở Tokyo (8-1973) và ám sát hụt Park Chung Hee (8-1974) do một người Nhật có lập trường ủng hộ CHDCND Triều Tiên thực hiện đã đặt Nhật Bản và Hàn Quốc vào tình thế đối đầu thêm một lần nữa. Nền tảng ngoại giao của hai nước thực sự bị lung lay khi các Chính phủ triệu hồi Đại sứ của mình. Thái độ nghi kị và dè chừng khiến cho bầu không khí lạnh nhạt trong quan hệ song phương tiếp tục bao trùm đến khi Park Chung Hee bị ám sát (1979).

Đối với Triều Tiên:

Chiến tranh Triều Tiên kéo dài ba năm đã không giải quyết được các vấn đề chia cắt đất nước bằng biện pháp quân sự, đồng thời còn làm cho quan hệ Bắc – Nam trở nên gay gắt hơn. Sau khi xung đột giữa hai miền kết thúc với Hiệp định đình chiến (1953), hai miền Triều Tiên có sự đối lập nhau khá rõ, kinh tế Bắc Triều Tiên phát triển hết sức mạnh mẽ. Trong khi đó, ở miền Nam, Hàn Quốc lại lâm vào tình cảnh vô cùng khó khăn. Xã hội rối ren, kinh tế suy sụp và đất nước đứng bên miệng hố "suy vong" vào đầu thập niên 1950. Thời gian đầu khi chiến tranh kết thúc, sự đối đầu giữa hai bên rất căng thẳng, quyết liệt do Triều Tiên quyết tâm cộng sản hóa phía Nam, còn Hàn Quốc quyết tâm đánh bại chủ nghĩa cộng sản phía Bắc. Hàn Quốc thông qua liên tiếp Chính sách "Bắc Tiến" và "Bắc tiến và thống nhất" với nỗ lực giành lại miền Bắc, tiến tới Tổng tuyển cử tự do trên toàn bán đảo dưới sự giám sát của Liên Hợp Quốc. Tuy nhiên, quân đội miền Nam không thể vượt vĩ tuyến 38 dựa vào sức mạnh quân sự vì vấp phải ba trở lực lớn: một là, sự cạnh tranh khốc liệt của các siêu cường; hai là, tương quan lực lượng bất lợi cho miền Nam; ba là, chủ trương dùng vũ lực để thống nhất đất nước của CHDCND Triều Tiên.

Đầu những năm 1960, trước những khó khăn thách thức từ tình hình chính trị, kinh tế của quốc gia, những lo sợ về chiến tranh và trước ảnh hưởng của chủ trương can thiệp mạnh mẽ của Hoa Kỳ vào các vấn đề Đông Á, chính quyền Park Chung Hee phải tập trung vào việc giữ vững ổn định chính trị trong nước hơn là theo đuổi một chính sách phương bắc tích cực [16, tr.24].

Hàn Quốc cũng kế thừa chính sách phương bắc của Tổng thống Rhee. Chính quyền của Park Chung Hee, cũng giống như Rhee Sung Man chủ trương chống cộng quyết liệt. Tuy nhiên, sự thất bại liên tiếp của hai chính sách: "Bắc tiến" rồi "Bắc tiến và thống nhất" tác động không nhỏ đến tư duy đối ngoại của Hàn Quốc. Thực tế cho thấy, quan điểm ngoại giao cứng rắn với một đường lối bảo thủ và bạo lực chỉ có thể đẩy tiến trình thống nhất hai miền đi vào ngõ cụt. Hàn Quốc đã nhanh chóng điều chỉnh chiến lược mới của mình. Và thay vào đó là chủ trương hòa bình theo tinh thần nghị quyết của Liên Hợp Quốc. Chính sách đối ngoại của Hàn Quốc dưới thời

Tổng thống Park Chung Hee đã phản ánh một nhận thức mới rằng, kết quả thống nhất đất nước không thể đạt được bằng vũ lực mà phải thông qua sức mạnh kinh tế và tăng cường đối thoại.

Tháng 8 năm 1970, Tổng thống Park đã định hướng lại chính sách đối ngoại với Triều Tiên theo đường lối thống nhất hoà bình và linh hoạt hơn. Ông đã phát biểu rằng: "Nếu Triều Tiên chấp nhận các điều kiện tiên quyết để cùng tồn tại hoà bình và nếu Liên Hợp Quốc xác minh các điều kiện đó, thì ông sẽ đề xuất các biện pháp mang tính thời đại và tiên tiến hơn, nhằm từng bước loại bỏ các rào cản tồn tại giữa hai miền Nam – Bắc, đặt nền tảng cho sự thống nhất" [4, tr.121-122]. Kết quả của những nỗ lực ngoại giao đó là hai bên đã đưa ra một thông cáo chung vào ngày 4 tháng 7 năm 1972, trong nỗ lực tìm kiếm hoà bình, độc lập của một bán đảo Triều Tiên "không chịu sự áp đặt và can thiệp từ bên ngoài" và thực hiện sự thống nhất quốc gia bằng cách vượt qua "khác biệt về tư tưởng, hệ tư tưởng và hệ thống chính trị" [12, tr.4-6].

Tuy nhiên, sự ngờ vực lẫn nhau vẫn còn bám rễ sâu, điều đó khiến cho cả hai bên đều gặp khó khăn trong việc tìm ra điểm chung cơ bản về các lợi ích trái ngược nhau. Phía Seoul cho rằng CHDCND Triều Tiên vẫn đang đe doạ thôn tính Hàn Quốc bằng vũ lực. Còn phía Bình Nhưỡng thường xuyên gây bất ổn ở miền Nam như: âm mưu ám sát tổng thống, đưa gián điệp xâm nhập trái phép vào miền Nam... Các cuộc đàm phán Bắc – Nam vì thế vẫn trong tình trạng bế tắc.

Có thể nói, sự thay đổi trong chính sách của Park Chung Hee đối với Triều Tiên là một nỗ lực của Hàn Quốc nhằm điều chỉnh chiến lược đối ngoại trước sự ra đời của học thuyết Nixon và hệ thống quốc tế đa cực đang hình thành. Hơn nữa, việc xoa dịu những căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên sẽ là một trong những giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia, tiếp tục các nỗ lực hiện đại hoá nền kinh tế đầy tham vọng của chính quyền Park, đặc biệt là Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ ba (1972 – 1976).

Đối với các quốc gia ở khu vực Á – Phi

Trước những diễn biến mới của tình hình quốc tế, Hàn Quốc từ chỗ không thiết lập quan hệ ngoại giao với bất kì quốc gia nào có quan hệ với Triều Tiên chuyển sang chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước không đối đầu với mình, bất chấp thể chế chính trị, đặc biệt sau Tuyên bố ngày 23-06-1973. Hàn Quốc đã bắt đầu mở rộng quan hệ với các nước thuộc thế giới thứ ba.

Các nhà lãnh đạo mới của Hàn Quốc nhận thức được thức tế rằng không thể bỏ qua ảnh hưởng của các quốc gia thuộc khối Á – Phi, đặc biệt là các quốc gia không liên kết. Park Chung Hee đã nhận định ngay từ đầu những năm 1962 rằng: "Chúng ta phải tập trung hơn nữa vào các hoạt động bên trong của chính trị quốc tế, quan sát kỹ hơn các xu hướng quốc tế và chú ý hơn đến lực lượng thứ ba đang đi theo con đường trung lập" [2, tr.6]. Ông tin rằng một nền ngoại độc lập và tự định hướng là điều cần thiết để thiết lập mặt trận ngoại giao rộng lớn hơn. Do đó, một trong những mục tiêu của Hàn Quốc là phát triển ngoại giao tích cực trong các mối quan hệ với các quốc gia trung lập và quốc gia mới nổi nhằm thúc đẩy sự hiểu biết của các quốc gia này về Hàn Quốc và phát triển hình thức ngoại giao nhân dân.

Với chủ trương đó, vào năm 1964, Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước châu Phi gồm Ethiopia, Uganda và một số quốc gia khác, nhằm đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao đối với các quốc gia trung lập không liên kết. Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Ấn Độ năm 1973, với Miến Điện năm 1975. Đặc biệt, vào ngày 26 tháng 4 năm 1966, chính phủ Hàn Quốc đã quyết định cho phép các đại biểu của Hàn Quốc tham gia các cuộc họp quốc tế được tổ chức tại một số quốc gia cộng sản và mời đại biểu thuộc nước cộng sản tham dự họp tại Hàn Quốc nếu xét thấy cần thiết.

Thực hiện chính sách ngoại giao kinh tế, chính phủ Park Chung Hee cũng đã thành lập Uỷ ban Điều phối Ngoại giao kinh tế, ban hành Luật Khuyến khích Đầu tư Ngoại hối, chính phủ Hàn Quốc đã tìm kiếm các mối quan hệ thương mại với các quốc gia cũ và mới, cũng như các quốc gia trung lập ở châu Á, châu Mỹ La tinh và châu Phi. Chính sách kinh tế - ngoại giao mới này có thể đánh giá là rất thành công trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng như quan hệ quốc tế

của Hàn Quốc. Đồng thời, những nỗ lực này cũng góp phần tạo tiền đề cho quan hệ Hàn Quốc với các quốc gia trên thế giới tiếp tục phát triển sau này.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính sách đối ngoại của chính quyền Park Chung Hee (1963 – 1979) chịu tác động lớn của bối cảnh Chiến tranh Lạnh, đối đầu Đông Tây, những xu hướng mới trong quan hệ quốc tế trên thế giới, cũng như những khó khăn về kinh tế và bất ổn về chính trị trong nước. Do đó, ưu tiên chính sách quan trọng nhất của Hàn Quốc là an ninh quốc gia. Gắn liền với đó là mong muốn đạt được sự hiện đại, phát triển kinh tế nhanh chóng. Đánh giá được những mối đe dọa quân sự từ phía Bắc, cùng với thay đổi chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ tại châu Á, Hàn Quốc sẵn sàng thỏa hiệp để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế đầy tham vọng, phục vụ cho xây dựng đất nước vững mạnh, quân đội tự lực. Cùng với đó là mục tiêu mở rộng thương mại và ảnh hưởng quốc tế của Hàn Quốc. Và cuối cùng, nhiệm vụ thứ tư là thống nhất đất nước bị chia cắt.

Dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Park Chung Hee, với những chính sách đối ngoại linh hoạt, tập trung vào việc thiết lập và tăng cường quan hệ với các quốc gia đồng minh, chống cộng sản và hướng tới mục tiêu thống nhất đất nước, Hàn Quốc đã dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào Hoa Kỳ và tạo cho mình một thế đứng độc lập hơn trên trường quốc tế. Thành công lớn nhất trong quan hệ đối ngoại Hàn Quốc giai đoạn này là việc đa dạng hoá và mở rộng phạm vi đối tác quốc tế trên cả bình diện song phương và đa phương. Trên bình diện đa phương, Hàn Quốc tham gia tích cực vào các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ, đặc biệt trong khuôn khổ của LHQ. Trên bình diện song phương, Hàn Quốc đã có những điều chỉnh chính sách, từ không thiết lập quan hệ ngoại giao với bất kì quốc gia nào có quan hệ với Triều Tiên chuyển sang chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước không đối đầu với mình, bất chấp thể chế chính trị, bước đầu mở rộng quan hệ với các nước thuộc thế giới thứ ba.

Tuy nhiên, mặc dù đã đạt được nhiều thành công quan trọng trong lĩnh vực đối ngoại, Hàn Quốc hầu như không đạt được kết quả khả quan nào đối với mục tiêu thống nhất đất nước. Việc lấy chính sách của Liên Hợp Quốc làm trung tâm và thận trọng đi theo con đường chung sống hoà bình với Triều Tiên vào đầu năm 1970 đã không tạo được kết quả đột phá đáng kể nào trong vấn đề này. Do vậy, quan hệ Bắc – Nam vẫn duy trì ở trạng thái không có chiến tranh, cũng không có hoà bình. Có thể nói, những chính sách đối ngoại mới của Tổng thống Park Chung Hee cho thấy vẫn chưa đủ linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề Triều Tiên.

Lời cảm ơn

Bài báo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, mã số CS2022-TN06-24.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

[1] K. Byung-kook and E. F. Vogul, *The Park Chung Hee Era: The Transformation of South Korea*. Harvard University Press, 2013.

[2] A. C. Nahm, "Korea's Foreign Policy and Diplomacy 1961 – 1970," *Korea Journal*, vol. 11, no. 9, pp. 5-9, 1971.

[3] G. Podoler, "Who Was Park Chung-hee?" The Memorial Landscape and National Identity Politics in South Korea," *East Asia*, no. 33, pp. 271-288, 2016.

[4] L. Chae-Jin, "The direction of South Korea's foreign policy," *Korean Studies*, vol. 2, pp. 95-137, 1978.

[5] K. D. Ceuster, "Pride and Prejudice in South Korea's Foreign Policy," *The Copenhagen Journal of Asian Studies*, vol. 21, p. 68, 2005.

[6] Ministry of Foreign Affairs (MOFA), Republic of Korea, *Koreas Foreign Policy,* Part 1, Chapter 2, Diplomatic White Paper, 1990, p. 65.

[7] T. L. Le, *South Korea's Development under the Authoritarian Regime of Park Chung Hee (1961 - 1979).* Ho Chi Minh City National University Publishing House, 2020.

[8] M. C. Tran, "Policies for Economic Development of South Korea," *Journal of Asia-Pacific Economic*, vol. 5, no. 46, pp.8-12, 2003.
[9] V. H. Hoang and P. H. Duong, "An Overview of the Economic Relations between South Korea and the United States," *Journal of Japanese Studies*, vol. 2, no. 32, pp.35-38, 2001.
[10] V. D. Cha, "Rhee-straint": The Origins of the U.S.-ROK Alliance" *International Journal of Korean Studies*, vol. XV, no. 1, pp. 39-43, 2011.
[11] K. A. Park and S. C. Lee, "Changes and Prospects in Inter-Korean Relations," *Asian Survey*, no. 32, pp. 429-447, 1992.
[12] R. J. Yole, "Appraisal of June 23 Foreign Policy Statement," *Korea Journal*, vol. 13, no. 8, pp. 51-55, 1973.
[13] Korean Overseas Informmation Service, *President Park Chung Hee's Declaration for Peace and Prime Minister's Press Conference*. Seoul: Korean Overseas Informmation Service, 1973, pp. 6-12.
[14] Y. Chong - Yol, "Korea's Foreign Policy in East Asia During the 1970s," *Korea Journal*, vol. 11, no. 4, pp. 11-12, 1971.
[15] United States Security Agreements, *For detailed background of the negotiations for this defense treaty, see the Department of State documents declassified in 1974*, 1974, p. 1717.
[16] L. Choi, "The Foreign Policy of Park Chung Hee: 1968 – 1979," Doctoral Thesis, The London School of Economics and Political Science, London, 2012, p. 25.
[17] IMF, "Direction of Trade Statistics, 1968-1977," 1977. [Online]. Available: https://www.elibrary.imf.org/. [Accessed Jul. 05, 2023].
[18] Japanese Ministry of Foreign Affairs, *The recent state of Japanese diplomacy*, Tokyo, pp. 369-376, 1970.